

Số: 14/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG MUA, BÁN NỢ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC NGOÀI

Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 02 năm 2023.

Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài***[1]**.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay (kể cả khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.**[2]** Thông tư này không áp dụng đối với hoạt động mua, bán nợ xấu giữa tổ chức tín dụng và Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC);

hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ hợp đồng vay, cho vay giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài).

2. Các cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc mua, bán khoản nợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Mua, bán nợ* là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, theo đó bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.

2. *Khoản nợ được mua, bán* là khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay và khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh theo hợp đồng cấp tín dụng đã ký của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, đang được theo dõi hạch toán nội bảng, ngoại bảng tại bảng cân đối kế toán hoặc đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng^[3] của bên bán nợ có đủ điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này và bên nợ có nghĩa vụ thanh toán tiền cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. *Bên bán nợ* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4.^[4] *Bên mua nợ* là tổ chức, cá nhân, bao gồm:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây là Ngân hàng Nhà nước) chấp thuận hoạt động mua nợ;

b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân là người cư trú và người không cư trú).

5. *Bên nợ* là tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được mua, bán theo quy định tại hợp đồng cấp tín dụng.

6. *Bên môi giới* là bên trung gian trong giao dịch mua, bán nợ giữa bên mua nợ và bên bán nợ và được hưởng thù lao theo hợp đồng môi giới.

7. *Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán* gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng^[5].

7a.^[6] *Giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán*: gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đang được hạch toán nội bảng.

8. *Giá mua, bán nợ* là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Điều 4. Điều kiện khoản nợ được mua, bán

Các khoản nợ được mua, bán phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Hồ sơ, chứng từ và các tài liệu có liên quan của khoản nợ được mua, bán, hợp đồng bảo đảm (nếu có) do bên bán nợ cung cấp phải phản ánh đầy đủ, chính xác thực trạng khoản nợ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Không có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được mua, bán khoản nợ.

3. Khoản nợ không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm mua, bán nợ trừ trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý bằng văn bản về việc bán nợ.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện mua, bán nợ

1. Hoạt động mua, bán nợ không trái với nội dung quy định tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết giữa bên bán nợ, khách hàng và bên bảo đảm.

2. Hoạt động mua, bán nợ do các bên tự thỏa thuận, tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

3.[7] Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ phải có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước thời điểm đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ, trừ tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ thì không phải xin phép Ngân hàng Nhà nước.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được mua nợ khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động mua nợ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Giấy phép) và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% theo kỳ phân loại gần nhất theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước thời điểm ký hợp đồng mua nợ, trừ các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều này.

4.[8] Trước khi thực hiện mua, bán nợ theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ (trong đó có quy định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua, bán nợ; phương thức mua, bán nợ, phương thức thanh toán; quy trình mua, bán nợ; quy trình, phương pháp định giá khoản nợ; quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động mua, bán nợ).

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

6.[9] Mua lại khoản nợ đã bán của tổ chức tín dụng:

a) Bên bán nợ không mua lại khoản nợ đã bán, trừ các trường hợp sau:

(i) Tổ chức tín dụng mua lại khoản nợ đã bán cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều này;

(ii) Tổ chức tín dụng hỗ trợ mua lại khoản nợ đã bán cho tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 6 Điều 148đ Luật Các tổ chức tín dụng;

(iii) Tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc mua lại khoản nợ đã bán cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều này.

b) Tổ chức tín dụng thực hiện mua lại khoản nợ đã bán quy định tại điểm a(ii), a(iii) khoản này theo nội dung đã cam kết mua lại khoản nợ tại phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong trường hợp sau:

(i) Khoản nợ mua lại đang được tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước nhưng không còn được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và bán thay thế bằng khoản nợ đủ tiêu chuẩn khác.

(ii) Đến hạn trả nợ vay đặc biệt, tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chưa có đủ tiền để hoàn trả nợ vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước theo kế hoạch trả nợ vay đặc biệt.

7.[10] Tổ chức tín dụng không được bán nợ cho công ty con của chính tổ chức tín dụng đó, trừ các trường hợp sau:

a) Bán nợ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản theo phương án tái cơ cấu được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Tổ chức tín dụng là bên nhận chuyển giao bắt buộc bán nợ đủ tiêu chuẩn cho ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

8. Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản là công ty con của tổ chức tín dụng chỉ được mua nợ của tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tổ chức tín dụng mẹ có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, trừ trường hợp mua nợ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

9. Trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ, thì bên bán nợ và các bên mua nợ thỏa thuận với nhau về tỷ lệ tham gia, phương thức thực hiện, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, phân chia giá trị tài sản đảm bảo (nếu có) cho phần nợ được mua, bán và các nội dung cụ thể khác tại hợp đồng mua, bán nợ đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Các khoản nợ được mua, bán nợ phải được theo dõi, hạch toán kế toán và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

11.[11] Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để mua nợ thuộc sở hữu của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

12.[12] Tổ chức tín dụng không phải đáp ứng tỷ lệ nợ xấu dưới 3% khi mua nợ trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện mua nợ đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 146a Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện mua nợ đủ tiêu chuẩn của tổ chức tín dụng hỗ trợ theo phương án phục hồi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 148b Luật Các tổ chức tín dụng;

c) Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc mua nợ đủ tiêu chuẩn của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Các trường hợp mua nợ quy định tại điểm a(ii), a(iii) khoản 6 Điều này.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Nguyên tắc lập hồ sơ:

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải có xác nhận của người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ký.

2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ bao gồm:

a) Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ theo mẫu tại Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này. Đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài, cam kết mua nợ là hoạt động mà chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cam kết mua nợ là hoạt động ngân hàng mẹ được phép thực hiện tại nước nguyên xứ;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) của tổ chức tín dụng thông qua việc đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ; văn bản và bản dịch của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài,

Điều 7. Trình tự, thủ tục chấp thuận hoạt động mua nợ

1.[13] Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu được chấp thuận hoạt động mua nợ lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Một cửa).

2. Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bằng Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nêu rõ lý do.

Điều 8. Đồng tiền giao dịch

1. Đồng tiền sử dụng trong mua, bán nợ là đồng Việt Nam. Việc sử dụng ngoại tệ làm đồng tiền thanh toán trong giao dịch mua, bán nợ chỉ được thực hiện trong

trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán khoản nợ bằng ngoại tệ cho bên mua nợ là người không cư trú.

2. Đồng tiền thu hồi nợ là đồng tiền của khoản nợ hoặc đồng tiền khác theo thỏa thuận giữa bên mua nợ và bên nợ phù hợp với quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 9. Quy định về quản lý ngoại hối trong hoạt động mua, bán nợ

1. Bên mua nợ, bên bán nợ, bên nợ và các bên liên quan khác có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam khi thực hiện mua, bán nợ và thu hồi khoản nợ được mua.

2. Khi thực hiện mua, bán nợ với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Bên mua nợ sử dụng tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam để thực hiện thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiền mua nợ và các chi phí có liên quan theo hợp đồng mua, bán nợ đối với trường hợp sử dụng đồng tiền mua nợ là đồng Việt Nam;

b) Bên mua nợ là người không cư trú sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ của Bên mua nợ tại nước ngoài để thực hiện thanh toán cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tiền mua nợ và các chi phí có liên quan theo hợp đồng mua, bán nợ đối với trường hợp sử dụng đồng tiền mua nợ là ngoại tệ.

3. Khi thu hồi nợ từ các khoản nợ được mua, số tiền thu hồi nợ phải được chuyển vào 01 (một) tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam và 01 (một) tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (đối với trường hợp khoản nợ được thu hồi bằng ngoại tệ) của bên mua nợ mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Trường hợp mua, bán khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay ra nước ngoài hoặc nợ phát sinh do trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh cho bên được bảo lãnh là người không cư trú:

a) Bên bán nợ thực hiện đăng ký thay đổi khoản cho vay ra nước ngoài, khoản thu hồi nợ bảo lãnh theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước ngoài và thu hồi nợ bảo lãnh cho người không cư trú;

b) Bên mua nợ là người cư trú thực hiện đăng ký kế hoạch thu hồi nợ theo quy định hiện hành về quản lý ngoại hối đối với việc thu hồi nợ nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ mua, bán nợ.

Điều 10. Phương thức mua, bán nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quyết định lựa chọn một trong các phương thức mua, bán nợ sau:

1. Thỏa thuận: thông qua đàm phán trực tiếp giữa bên bán nợ và bên mua nợ hoặc gián tiếp thông qua bên môi giới.

2. [14] Đấu giá: Bên bán nợ ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Điều 10a. Mua, bán nợ trong trường hợp bên mua nợ chưa thanh toán đủ số tiền mua nợ [15]

Trường hợp bên mua nợ và bên bán nợ có thỏa thuận về việc bên mua nợ được trả tiền mua nợ (một phần hoặc toàn bộ số tiền mua nợ) sau thời điểm bên mua nợ đã nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ thì các bên phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Thời hạn hoàn thành thanh toán số tiền mua, bán nợ của bên mua nợ cho bên bán nợ tối đa là 60 ngày, tính từ ngày hợp đồng mua, bán nợ có hiệu lực.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, số tiền mà bên mua nợ chưa thanh toán đủ cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ phải được bảo đảm 100% khả năng thanh toán bằng các loại tài sản có tính thanh khoản cao, bao gồm:

a) Tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành;

b) Vàng miếng theo quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng;

c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;

d) Trái phiếu doanh nghiệp được xếp hạng mức AA- trở lên (theo Standard & Poor's hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody's) và được niêm yết trên thị trường chứng khoán;

đ) Cổ phiếu được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (trừ: các cổ phiếu bị cảnh cáo, kiểm soát, bị tạm ngừng, đình chỉ hoặc hạn chế giao dịch theo quy định của pháp luật và quy chế của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng bảo đảm và các cổ phiếu có khối lượng giao dịch dưới 300.000 cổ phiếu/ngày, tính trong 10 ngày giao dịch liền kề trước ngày ký hợp đồng bảo đảm).

3. Giá trị của các tài sản dùng để bảo đảm cho số tiền mua nợ được trả sau quy định tại khoản 2 Điều này được xác định theo nguyên tắc xác định giá trị tài sản bảo đảm để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro tại thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm.

4. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc mua nợ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 12 Điều 5 Thông tư này và sử dụng khoản nợ được mua này để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước, việc bảo đảm cho số tiền mua nợ mà bên mua nợ được trả sau thời điểm bên mua nợ đã nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ được mua bán từ bên bán nợ (nếu có) do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 11. Hội đồng mua, bán nợ [16]

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thành lập Hội đồng mua, bán nợ phù hợp với quy định pháp luật, điều lệ, quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ. Thành phần, nhiệm vụ, quyền hạn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định.

Điều 12. Định giá khoản nợ [17]

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán nợ phải thực hiện định giá khoản nợ để xác định giá khởi điểm đối với trường hợp mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá hoặc giá để đàm phán mua, bán nợ đối với trường hợp mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xem xét lựa chọn việc định giá khoản nợ theo các phương thức sau:

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự xác định giá khoản nợ theo một hoặc các cơ sở sau:

a) Giá trị ghi sổ khoản nợ, khoản lãi mà bên nợ phải trả tại thời điểm định giá, phân loại nhóm khoản nợ, tài sản bảo đảm (nếu có), tình hình tài chính khách hàng vay và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá trị khoản nợ (nếu có) tại thời điểm định giá;

b) Quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính về tiêu chuẩn thẩm định giá khoản nợ.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện định giá khoản nợ được mua, bán.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 13. Hợp đồng mua, bán nợ

1. Hợp đồng mua, bán nợ phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của các bên mua, bán nợ.

2. Hợp đồng mua, bán nợ phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Thời gian ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

b) Tên, địa chỉ của các bên tham gia ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

c) Tên, chức danh người đại diện các bên tham gia ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

d) Tên, địa chỉ của bên nợ và các bên có liên quan (nếu có) tới khoản nợ được mua, bán;

đ) Chi tiết khoản nợ mua, bán: Số tiền vay, thời gian vay, mục đích vay, giá trị ghi sổ của khoản nợ đến thời điểm thực hiện mua, bán nợ;

e) Các biện pháp bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của bên nợ đối với khoản nợ được mua, bán (nếu có);

g) Giá bán nợ, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán;

h) Thời điểm, phương thức và thủ tục chuyển giao hồ sơ, chứng từ khoản nợ, bao gồm cả hồ sơ, tài liệu về tài sản bảo đảm của khoản nợ (nếu có); Thời điểm bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ đối với khoản nợ của bên bán nợ;

i) Quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ, bên mua nợ;

k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng;

l) Giải quyết tranh chấp phát sinh.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này, các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác trong hợp đồng mua, bán nợ không trái với quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ nội dung hợp đồng mua, bán nợ do các bên liên quan thỏa thuận, quyết định trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Điều 14. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ

1.[18] Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ.

2. Bên bán nợ chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ đó (nếu có). Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Việc thực hiện đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm[19].

3. Bên mua nợ, bên nợ và bên bảo đảm có thể thỏa thuận việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm đối với khoản nợ được mua, bán phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 15. Mua, bán nợ từ cấp tín dụng hợp vốn

1. Trường hợp thành viên tham gia cấp tín dụng hợp vốn bán một phần hay toàn bộ khoản nợ của mình, thành viên là bên bán nợ và bên mua nợ thỏa thuận thống nhất phương án mua, bán nợ; đồng thời bên bán nợ thông báo việc mua, bán nợ cho các thành viên còn lại bằng văn bản. Trường hợp bán phần nợ của thành viên đầu mỗi (đầu mỗi dàn xếp cấp tín dụng hợp vốn, đầu mỗi cấp tín dụng hợp vốn, đầu mỗi thanh toán, đầu mỗi nhận tài sản bảo đảm), bên bán nợ, bên mua nợ và các thành viên còn lại thỏa thuận thống nhất các nội dung thay đổi tại hợp đồng hợp vốn.

Hợp đồng mua, bán nợ trong trường hợp này là bộ phận không tách rời của hợp đồng hợp vốn, hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn ban đầu. Các nội dung quy định tại hợp đồng mua, bán nợ không trái với các nội dung quy định đối với phần nợ tại hợp đồng hợp vốn, hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn.

2. Trường hợp bán toàn bộ khoản nợ, các thành viên cấp tín dụng hợp vốn thỏa thuận thống nhất phương án bán khoản nợ, đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này và quy định pháp luật liên quan.

Điều 15a. Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ[20]

Việc quản lý, theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Thông tư này được thực hiện theo nguyên tắc:

1. Trường hợp bên bán nợ còn sở hữu một phần khoản nợ được mua, bán, bên bán nợ phải tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ. Phần nợ chưa bán, bên bán nợ tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.

Trường hợp, bên bán nợ không còn sở hữu khoản nợ được mua, bán và đã nhận đầy đủ số tiền mua nợ, việc chuyển giao hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm của khoản nợ và các vấn đề khác liên quan đến khoản nợ của bên bán nợ cho các bên mua nợ được thực hiện theo thỏa thuận của các bên mua nợ, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của các bên và việc xử lý các vấn đề phát sinh trong trường hợp bên bán nợ làm đầu mỗi thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ, việc xử lý tài chính và các vấn đề liên quan khác đối với phần nợ được mua, bán của bên mua nợ và bên bán nợ được thực hiện như quy định đối với mua, bán khoản nợ và quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của bên mua nợ

1. Bên mua nợ có các quyền:

a) Yêu cầu bên bán nợ cung cấp thông tin về khoản nợ được mua, bán (bao gồm cả thông tin liên quan đến hình thành, quản lý khoản nợ);

b) Kế thừa đầy đủ các quyền của bên bán nợ đối với khoản nợ theo thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu bên bán nợ chuyển giao hồ sơ và hoàn tất các thủ tục để chuyển giao đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của bên bán nợ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng mua, bán nợ và quy định pháp luật;

d) Yêu cầu bên bán nợ thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ cam kết theo thỏa thuận;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

2. Bên mua nợ có các nghĩa vụ:

a) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ;

b) Thanh toán các chi phí (kể cả phí môi giới nếu có) phát sinh trong quá trình mua, bán nợ theo thỏa thuận;

c) Kế thừa đầy đủ các nghĩa vụ của bên bán nợ đối với khoản nợ theo thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ

1. Bên bán nợ có các quyền:

a) Yêu cầu bên mua nợ thanh toán theo thỏa thuận;

b) Yêu cầu bên mua nợ phải thực hiện theo đúng các nghĩa vụ cam kết;

c) Các quyền khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

2. Bên bán nợ có các nghĩa vụ:

a) Thông báo bằng văn bản cho bên nợ và các bên liên quan những nội dung của việc bán nợ chậm nhất 5 ngày làm việc kể từ ngày các bên ký kết đồng mua, bán nợ hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ. Trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc theo thỏa thuận giữa bên bán nợ và bên nợ hoặc trong trường hợp cần thiết, bên bán nợ thông báo bằng văn bản việc bán nợ cho bên nợ trước khi ký kết hợp đồng mua, bán nợ;

b) Cung cấp các thông tin liên quan đến khoản nợ được bán theo yêu cầu của bên mua nợ, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và không trái với các thỏa thuận tại hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm đã ký kết;

c) Chuyển giao đầy đủ, đúng hạn nguyên trạng hồ sơ khoản nợ theo thỏa thuận cho bên mua nợ;

d) Chuyển giao nguyên trạng quyền, nghĩa vụ đối với khoản nợ được bán bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với biện pháp bảo đảm của khoản nợ, bảo hiểm của khoản nợ (nếu có) cho bên mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ và quy định của pháp luật;

đ) Thanh toán các chi phí (kể cả phí môi giới nếu có) phát sinh trong quá trình mua, bán nợ theo thỏa thuận;

e) Thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận và quy định pháp luật.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của bên môi giới

1. Bên môi giới có các quyền:

a) Dàn xếp việc mua, bán các khoản nợ cho các bên mua nợ, bên bán nợ;

b) Nhận phí môi giới và được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác liên quan theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng môi giới;

c) Các quyền khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

2. Bên môi giới có các nghĩa vụ:

a) Phản ánh trung thực các thông tin liên quan đến giao dịch mua, bán nợ do các bên cung cấp;

b) Chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin do mình cung cấp;

c) Không được tiết lộ, cung cấp thông tin làm phương hại đến lợi ích của các bên mua nợ, bên bán nợ và các bên liên quan của khoản nợ;

d) Bảo quản các tài liệu được giao để thực hiện môi giới và hoàn trả đầy đủ các tài liệu đó cho các bên mua nợ, bên bán nợ sau khi hoàn thành công việc môi giới;

đ) Thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Điều 19. Xử lý tranh chấp

1. Việc xử lý tranh chấp phát sinh trong hoạt động mua, bán nợ thực hiện theo thỏa thuận của các bên tại hợp đồng mua, bán nợ nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp mua, bán nợ có yếu tố nước ngoài, các bên có thể thỏa thuận luật áp dụng, tòa án hoặc trọng tài thương mại nước ngoài để giải quyết tranh chấp

phát sinh đối với giao dịch mua, bán nợ nếu việc thỏa thuận đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 20. Quản lý đối với các khoản nợ đã mua, bán

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ phải hạch toán theo dõi riêng theo giá mua thực tế của khoản nợ được mua, bán đảm bảo phân định được các khoản nợ mua với các khoản nợ hình thành từ hoạt động cấp tín dụng của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải tính số tiền mua nợ vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên nợ;

b)[21] Việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với số tiền mua nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng tại khoản 1 Điều này quản lý khoản nợ đảm bảo không trái quy định của pháp luật.

2a.[22] Khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ thì số tiền bán nợ chưa thu được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ đã mua, bán[23]

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ

a) Đối với khoản nợ có nợ gốc đang hạch toán nội bảng

(i) Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau;

(ii) Trường hợp giá bán nợ cao hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán:

Sau khi thu hồi số nợ gốc, nợ lãi của khoản nợ đã bán, phần chênh lệch (nếu có) giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi nhận vào thu nhập;

(iii) Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ được mua bán, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ sử dụng tiền bồi thường (trong trường hợp bị tổn thất về tài sản do nguyên nhân chủ quan và phải bồi thường theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện như sau:

Đối với số nợ gốc không thu được: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ. Sau khi hoàn thành việc xử lý tài chính nêu trên, tổ

chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xuất toán đối với số nợ gốc không thu được.

Đối với số nợ lãi không thu được: Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng đã hạch toán vào thu nhập, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xuất toán số nợ lãi của khoản nợ đã bán;

b) Đối với khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xuất toán khoản nợ đã bán khỏi ngoại bảng và ghi nhận số tiền bán nợ (theo giá bán nợ) vào thu nhập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng

Số tiền bán nợ được ghi nhận vào thu nhập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ

a) Trường hợp giá mua nợ nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua

Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Trường hợp, số tiền mua nợ đã được thu hồi hết, số nợ gốc còn lại (phân chênh lệch còn lại giữa số nợ gốc của khoản nợ được mua với số tiền mua nợ) thu được được ghi nhận vào thu nhập.

Số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ ghi nhận vào thu nhập;

b) Trường hợp giá mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua

Số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền đã mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ đã mua tại thời điểm đó, số tiền nợ gốc, nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ thực hiện xử lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Trường hợp nếu không thu hồi hết số tiền đã mua nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xử lý số tiền không thu hồi được theo quy định về chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Việc hạch toán, kế toán trong hoạt động mua, bán nợ; xử lý các khoản phát sinh do chênh lệch tỷ giá khi mua nợ, bán nợ, thu hồi nợ của khoản nợ đã mua; xử lý tổn thất về tài sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định về chế độ tài chính, hạch toán kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ phải thực hiện theo dõi, lưu trữ thông tin đối với các khoản bán nợ quy định tại điểm a(iii) khoản 1 và điểm b khoản 1 Điều này để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra khi có yêu cầu.

5. Bên mua nợ không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thực hiện xử lý tài chính, hạch toán kế toán đối với khoản nợ đã mua theo quy định pháp luật.

Chương III

BÁO CÁO, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 22. Chế độ thông tin báo cáo

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo hoạt động mua, bán nợ (kể cả hoạt động mua, bán nợ qua công ty con, công ty liên kết) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về báo cáo thống kê đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ban hành quy định nội bộ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) chậm nhất 5 ngày làm việc sau khi ký ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung.

Điều 24. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tham gia ý kiến về việc chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;

c) Đầu mối xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Đầu mối xử lý các vướng mắc liên quan đến việc chấp thuận hoạt động mua nợ theo quy định tại Thông tư này;

b) Thực hiện thanh tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất và xử lý vi phạm đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này; Cung cấp cho Vụ Tín dụng các ngành kinh tế thông tin về vi phạm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hoạt động mua, bán nợ.

3. Trách nhiệm của Vụ Tài chính - Kế toán

Hướng dẫn hạch toán kế toán hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tham gia ý kiến về việc chấp thuận hoạt động mua nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện thanh tra, giám sát các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong việc chấp hành các quy định tại Thông tư này và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH^[24]

Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hợp đồng mua, bán nợ ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết. Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được chấp thuận hoạt động mua nợ không phải đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ theo quy định tại Thông tư này.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015, thay thế Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Thông tư số .../2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Nghị quyết số ... ngày ... của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng (tên)... về việc thông qua đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ (đối với tổ chức tín dụng);

Căn cứ văn bản của ngân hàng mẹ (tên)... do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... cam kết:

- Các nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ là hoàn toàn chính xác, trung thực;

- Chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (tên)... đang được phép thực hiện hoạt động mua nợ tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài); Ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... được phép thực hiện hoạt động mua nợ tại nước nguyên xứ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan, nếu vi phạm xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TCTD, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI
(ký tên, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu VP, PC3.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**

Đoàn Thái Sơn

[1] Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[3] Cụm từ “đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán” được thay thế bằng cụm từ “đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[4] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[5] Cụm từ “đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán” được thay thế bằng cụm từ “đã xuất toán ra khỏi ngoại bảng” theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[18] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[19] Cụm từ “giao dịch bảo đảm” được thay thế bằng cụm từ “đăng ký biện pháp bảo đảm” theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[20] Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[21] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[22] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[23] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023.

[24] Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 09/02/2023 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Các hợp đồng mua, bán nợ được xác lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực, bên mua nợ, bên bán nợ và các bên có liên quan được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký và các quy định của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng mua, bán nợ, việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng mua, bán nợ phải phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 02 năm 2023.”